

Số: 59 /2011/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 30 tháng 12 năm 2011

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành “Quy định về thu tiền sử dụng nước sinh hoạt và mức hỗ trợ  
sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn  
trên địa bàn tỉnh Lào Cai”**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 51/2008/QĐ-BNN ngày 14/4/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 95/2009/TTLT-BTC-BXD-BNN ngày 19/5/2009 của Liên Bộ: Tài Chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 100/2009/TT-BTC ngày 20/5/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 05/2009/TT- BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2011/NQ-HĐND ngày 16/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về việc quy định thu tiền sử dụng nước sinh hoạt và mức hỗ trợ sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình Liên ngành số 265/TTr-SNN-STC ngày 30/12/2011,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này bản "Quy định về thu tiền sử dụng nước sinh hoạt và mức hỗ trợ sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai".

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành, bãi bỏ Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 13/4/2010 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành biểu giá nước nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ NN và PTNT;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư Pháp);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- TT. Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Kinh tế NS - HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo Lào Cai;
- Báo Lào Cai
- Lưu: VT, các CV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Vịnh**



## **QUY ĐỊNH**

**Về thu tiền sử dụng nước sinh hoạt và mức hỗ trợ sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai**  
(Kèm theo Quyết định số: **59** /2011/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh)

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Bản quy định này quy định về thu tiền sử dụng nước sinh hoạt và mức hỗ trợ sửa chữa công trình cấp nước, chế độ quản lý sử dụng kinh phí thu được để quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn được thu tiền sử dụng nước sinh hoạt gồm các công trình có đủ các điều kiện sau:

a) Công trình cấp nước tập trung dẫn nước bằng đường ống phục vụ cộng đồng dân cư và các cơ sở công cộng, được đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư bằng vốn ngân sách Nhà nước, vốn tài trợ của tổ chức quốc tế, giao cho UBND cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức quản lý theo quyết định số 55/2007/QĐ-UBND ngày 9/8/2007 của UBND tỉnh Lào Cai.

b) Công trình phải có tổ chức trực tiếp quản lý do UBND cấp xã lựa chọn và giao quyền quản lý (tổ hợp tác tự quản của cộng đồng hoặc cá nhân, doanh nghiệp nhận khoán quản lý và làm dịch vụ).

c) Chất lượng nước đạt tiêu chuẩn nước hợp vệ sinh quy định tại Quyết định số 51/2008/QĐ-BNN ngày 14/4/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hoặc đạt quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt quy định tại Thông tư số 05/2009/TT - BYT ngày 17/6/2009 của Bộ Y tế.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Đối tượng thu: Các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác công trình cấp nước (tổ quản lý của cộng đồng, hợp tác xã, doanh nghiệp, cá nhân làm dịch vụ cấp nước) được UBND xã giao quyền quản lý công trình.

2. Đối tượng nộp: Bao gồm tất cả các tổ chức, cá nhân sử dụng nước từ công trình cấp nước sinh hoạt theo quy định.

#### **Điều 3. Nguyên tắc thu, chi, quản lý sử dụng nguồn thu tiền sử dụng nước**

1. Mọi tổ chức, cá nhân hưởng lợi từ công trình cấp nước sinh hoạt tập trung (gọi chung là hộ dùng nước) đều phải có nghĩa vụ trả tiền dịch vụ nước để tạo nguồn kinh phí phục vụ công tác bảo trì công trình sau đầu tư.



2. Nhà nước đảm bảo cho người sử dụng nước sinh hoạt vùng nông thôn trả tiền nước với giá ưu đãi phù hợp với điều kiện kinh tế theo khu vực, tạm thời chưa tính thuế, khấu hao công trình và chi phí đầu nối cho các hộ dùng nước phát sinh thêm trong quá trình khai thác sử dụng công trình.

3. Trường hợp nguồn thu thường xuyên từ các hộ dùng nước không đủ chi phí cho sửa chữa nâng cấp công trình cấp nước thì UBND cấp xã vận động cộng đồng hưởng lợi đóng góp tự nguyện để thực hiện. Trường hợp kinh phí thu được không sử dụng hết được chuyển năm sau để sử dụng cho việc sửa chữa nâng cấp công trình.

4. Tất cả các nguồn thu tiền sử dụng nước sinh hoạt, kinh phí hỗ trợ của Nhà nước cho sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước được sử dụng 100% cho công tác quản lý, vận hành duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa công trình, không nộp nguồn kinh phí này vào ngân sách nhà nước.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 4. Quy định về thu tiền sử dụng nước sinh hoạt**

1. Việc thu tiền sử dụng nước sinh hoạt nông thôn quy định thu bằng đồng tiền Việt Nam. Trường hợp hộ dùng nước không có khả năng thanh toán bằng tiền thì đơn vị thu cho phép đóng bằng lương thực (thóc, ngô) quy đổi ra tiền theo giá thị trường tại thời điểm thu.

2. Quy định về thu tiền sử dụng nước đối với công trình không lắp đặt đồng hồ:

a) Việc thu tiền nước không có đồng hồ chỉ áp dụng đối với công trình đã xây dựng không lắp đặt đồng hồ và áp dụng cho đối tượng dân cư tại chỗ sử dụng nước cho nhu cầu ăn uống sinh hoạt. Các đối tượng khác phải chuyển đổi sang thu tiền nước có đồng hồ.

b) Mức thu tiền sử dụng nước đối với dân cư tại chỗ cho nhu cầu ăn uống sinh hoạt không có đồng hồ tính bình quân theo nhân khẩu và theo khu vực như sau:

- Mức thu thuộc khu vực I là 4.000 đồng/người/tháng;
- Mức thu thuộc khu vực II là 3.000 đồng/người/tháng;
- Mức thu thuộc khu vực III là 2.000 đồng/người/tháng;

Địa bàn khu các xã, thôn bản phân thành 3 khu vực theo Quyết định số 301/2006/QĐ-UBND ngày 27/11/2006 và Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 05/9/2007 của Ủy ban dân tộc.

c) Mức thu cho các đối tượng khác (cấp nước cho trường học, chợ, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và các hộ dùng nước cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, dịch vụ khác), yêu cầu phải có đăng ký với đơn vị quản lý và phải lắp đặt bổ sung đồng hồ để thu theo biểu giá quy định của UBND tỉnh (mục b). Trong thời gian chưa lắp đồng hồ thì tạm thời thu theo mức phê duyệt phương án tài chính của UBND cấp xã. Thời hạn lắp đặt bổ sung đồng hồ cho các đối tượng này phải hoàn thành trước 31/12/2012.



### 3. Quy định thu tiền nước đối với công trình có lắp đặt đồng hồ:

a) Biểu giá thu tiền sử dụng nước cho các đối tượng theo địa bàn như sau:

ST T	Đối tượng sử dụng	Công trình thuộc xã, thôn theo khu vực khó khăn		
		KV 1 (đồng/m <sup>3</sup> )	KV 2 (đồng/m <sup>3</sup> )	KV3 (đồng/m <sup>3</sup> )
1	Cấp nước sinh hoạt các hộ dân cư trong định mức ( $\leq 2,5\text{m}^3/\text{người/tháng}$ )	2000	1.500	1000
2	Cấp nước sinh hoạt cho trường học	1400	1200	1000
3	Cấp nước sinh hoạt cho cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp	2400	1.800	1200
4	Chợ nông thôn	3000	2500	2000
5	Cấp nước các hộ sử dụng vượt định mức 2,5 m <sup>3</sup> /người/tháng	3000	2500	2000
6	Cấp nước cho các nhu cầu sản xuất kinh doanh dịch vụ khác	5000	4000	3000

b) Tất cả các công trình cấp nước tập trung xây dựng mới, công trình sửa chữa nâng cấp đều phải lắp đặt đồng hồ để thu tiền nước theo khối lượng tiêu thụ.

4. Công tác lập phương án thu và giao kế hoạch cho đơn vị thu tiền nước: UBND cấp xã căn cứ quy định giá thu tiền nước của tỉnh và đối tượng sử dụng nước ở từng công trình, xây dựng và phê duyệt phương án thu của từng công trình để giao kế hoạch cho đơn vị thu tiền nước thực hiện.

### Điều 5. Mức hỗ trợ kinh phí sửa chữa công trình cấp nước

Công trình cấp nước tập trung giao cấp xã quản lý được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí sửa chữa, nâng cấp hàng năm, cấp qua ngân sách xã, phường, thị trấn theo quy định:

- Mức hỗ trợ tính theo số người sử dụng nước là 10.000 đồng/người/năm.
- Người sử dụng nước thuộc diện hỗ trợ là người sinh sống thường trú, hoặc tạm trú có thời gian dùng nước sinh hoạt trên 6 tháng/năm.
- Nguồn kinh phí hỗ trợ được cân đối lấy từ nguồn ngân sách địa phương và nguồn vốn cấp theo Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và VSMT nông thôn hàng năm theo quy định: Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ cho các công trình cấp nước từ 500 người trở lên; ngân sách cấp huyện hỗ trợ cho các công trình cấp nước từ 150 người đến dưới 500 người; ngân sách xã hỗ trợ cho công trình cấp nước dưới 150 người.

### Điều 6. Quản lý sử dụng nguồn thu tiền nước từ người hưởng lợi

1. Trước khi thu, đơn vị thu phải có đầy đủ các văn bản làm căn cứ thu gồm: Quyết định thành lập và giao quyền quản lý công trình cho đơn vị trực tiếp quản lý; Quyết định phê duyệt phương án thu tiền nước cho từng đối tượng sử dụng nước của công trình; Hợp đồng sử dụng nước giữa đơn vị thu với hộ sử dụng nước sinh hoạt. Trường hợp đơn vị thu là tổ chức của cộng đồng (tổ hợp



tác, hợp tác xã) phải có quy chế quản lý do cộng đồng xây dựng được UBND xã phê chuẩn, trong đó ghi rõ chế độ quản lý thu chi tiền nước của cộng đồng. Đơn vị thu phải mở sổ sách theo dõi và có chứng từ thu, chi rõ ràng.

2. Kinh phí thu được từ người hưởng lợi của đơn vị thu, được sử dụng như sau:

a) Trích 5% tổng số kinh phí thu, nộp ngân sách xã để sử dụng cho các hoạt động chỉ đạo quản lý công trình cấp nước sinh hoạt của xã gồm các nội dung: Chi văn phòng phẩm, chè nước hội họp của xã bàn về quản lý công trình cấp nước sinh hoạt, hỗ trợ công tác phí đi lại làm việc của cán bộ xã với các đơn vị trực tiếp quản lý khai thác công trình cấp nước.

b) Số kinh phí còn lại (95%) do đơn vị thu quản lý sử dụng cho công tác quản lý, vận hành duy tu bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp, bảo vệ công trình.

3. Người đứng đầu đơn vị thu, căn cứ kinh phí thu được, nguyên tắc sử dụng, định mức chi theo quy chế chi tiêu của đơn vị, thực hiện chi trả trực tiếp cho các nội dung chi hành chính và công tác vận hành bảo dưỡng thường xuyên. Riêng kinh phí sử dụng cho sửa chữa, nâng cấp công trình phải lập dự toán đúng định mức kinh tế kỹ thuật, giá cả hiện hành thông qua tập thể nhất trí làm căn cứ thực hiện sửa chữa.

4. Kết thúc năm, đơn vị thu lập báo cáo quyết toán thu, chi để báo cáo UBND cấp xã và thực hiện công khai tài chính với cộng đồng hưởng lợi. UBND cấp xã, UBND cấp huyện kiểm tra, tổng hợp, báo cáo đánh giá hiệu quả các công trình cấp nước đang giao cho đơn vị, tổ chức, cộng đồng thực hiện thu, chi tiền sử dụng nước trên địa bàn gửi sở Nông nghiệp và PTNT trước ngày 30 tháng 10 hàng năm để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

## **Điều 7. Lập kế hoạch, cấp phát kinh phí và quản lý sử dụng kinh phí ngân sách hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp công trình cấp nước**

1. Hàng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách các cấp năm sau, UBND cấp xã căn cứ số người thực tế sử dụng nước từ các công trình cấp nước tập trung của năm hiện tại, mức hỗ trợ theo quy định, lập dự toán kinh phí hỗ trợ sửa chữa công trình cấp nước trong dự toán ngân sách xã Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT (Kinh tế) thẩm định, tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ để trình cấp thẩm quyền giao dự toán kinh phí sửa chữa công trình cấp nước cho ngân sách cấp xã.

2. UBND cấp xã có trách nhiệm sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí hỗ trợ sửa chữa công trình cấp nước theo hướng xã hội hóa, có sự nhất trí chủ trương của cấp ủy, hội đồng nhân dân cấp xã: được tập trung kinh phí để ưu tiên sửa chữa nâng cấp các công trình cấp thiết, được kết hợp sử dụng kinh phí hỗ trợ với nguồn thu tiền sử dụng nước của cộng đồng hoặc vận động nhân dân đóng góp tự nguyện để vừa sửa chữa vừa cải tạo nâng cấp công trình (phát triển tăng đôi tượng sử dụng, lắp đồng hồ, nâng cấp khu xử lý chất lượng nước...).

3. Sở nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn cụ thể trình tự thủ tục **đầu tư sửa chữa nâng cấp công trình cấp nước**

từ nguồn hỗ trợ đảm bảo tiết kiệm vốn, đúng định mức kinh tế kỹ thuật và phù hợp với năng lực quản lý của cấp xã.

4. Kết thúc năm, UBND cấp xã lập báo cáo quyết toán nguồn hỗ trợ cùng với quyết toán ngân sách xã, đồng thời báo cáo đánh giá kết quả sử dụng kinh phí hỗ trợ cho cơ quan quản lý cấp trên.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Quá trình thực hiện quy định giá thu, định mức hỗ trợ theo quy định này, nếu có khó khăn vướng mắc hoặc không còn phù hợp do biến động giá cả thị trường, UBND tỉnh giao cho sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở ngành liên quan tham mưu trình UBND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

2. Các tổ chức cá nhân được giao quản lý khai thác và làm dịch vụ cấp nước sinh hoạt phải có kế hoạch phát triển nguồn nước và mạng phân phối nước đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, nâng cao chất lượng phục vụ cấp nước; đồng thời phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra, báo cáo tình hình tiêu thụ nước sạch, thu tiền nước đúng giá và phù hợp với từng đối tượng; kịp thời có biện pháp khắc phục tình trạng thất thoát nước và chống thất thu tiền nước.

3. Các sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài Chính, Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thành phố, căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện quy định này. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature in blue ink]*

**Nguyễn Văn Vịnh**